

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH.
 - + Tên giao dịch quốc tế: Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company.
 - + Tên viết tắt: QNTPJSC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700434869 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 31/08/2020.
- Vốn điều lệ: 4.500.000.000.000 (*Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 5.548.415.182.410 đồng (*Năm nghìn, năm trăm bốn tám tỷ, bốn trăm mười năm triệu, một trăm tám hai nghìn, bốn trăm mười đồng*), bao gồm cả thặng dư vốn cổ phần.
- Địa chỉ: Tổ 33, khu 5, phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Số điện thoại: (0203)3657539.
- Số fax: (0203)3657540.
- Website: <http://www.quangninhhtpc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: QTP - Mã cổ phiếu của Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch chính thức trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM từ ngày 16/3/2017.
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày 04/02/2002, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh thành lập theo Thông báo số 20/VPCP-TB của Văn phòng Chính phủ theo hình thức Công ty cổ phần nhà nước gồm: Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Than Việt Nam, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các doanh nghiệp khác có năng lực về vốn tham gia thực hiện dự án.
 - + Ngày 16/12/2002, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm:

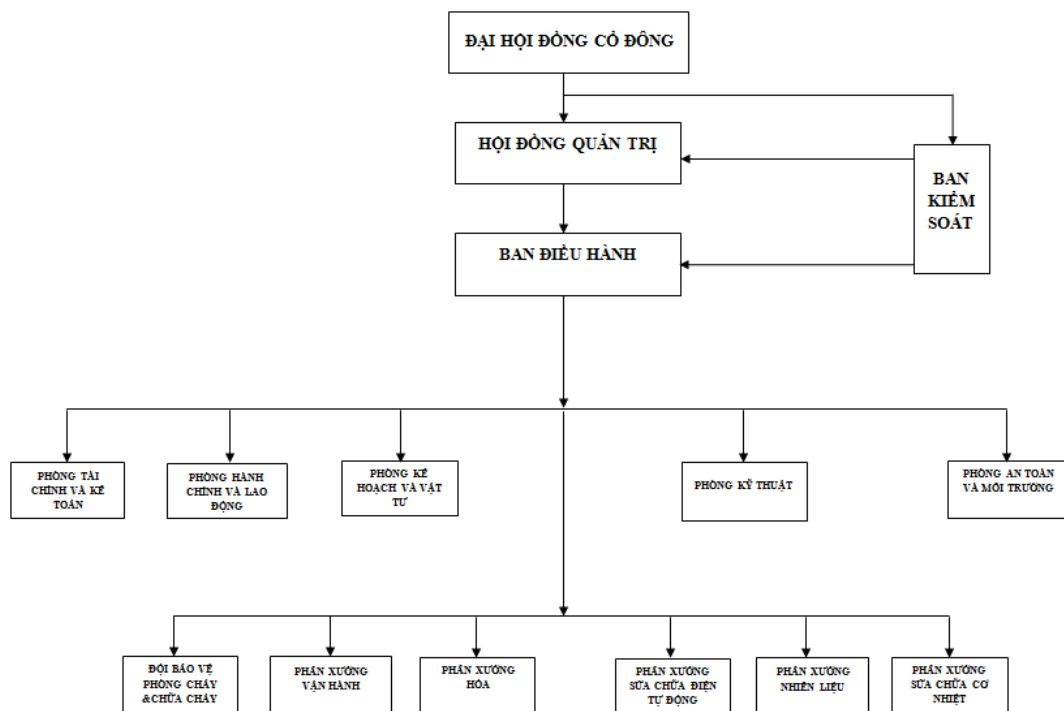
- + (i) Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN);
- + (ii) Tổng Công ty Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);
- + (iii) Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (COMA);
- + (iv) Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (VINACONEX);
- + (v) Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA).

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh, sản xuất và bán điện.

- + Ngày 23/9/2003, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh (NMĐ Quảng Ninh) tại văn bản số 1278/CP-CN, gồm những nội dung chính như sau:
 - + Đồng ý đầu tư NMĐ Quảng Ninh với công suất 600MW và có tính đến việc đầu tư một số công trình dùng chung cho quy mô công suất 1.200MW;
 - + Dự án được áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, dùng vốn vay thương mại của các tổ chức tín dụng nước ngoài và các ngân hàng thương mại trong nước được phép cho Công ty vay vượt 15% vốn tự có của từng ngân hàng đối với dự án này.
- + Ngày 19/05/2004, tổ chức lễ khởi công san nền NMĐ Quảng Ninh.
- + Ngày 31/10/2005, tổ chức lễ ký Hợp đồng EPC NMĐ Quảng Ninh.
- + Ngày 02/04/2006, tổ chức lễ khởi công xây dựng Nhà máy chính NMĐ Quảng Ninh.
- + Ngày 16/11/2006, tổ chức lễ ký hợp đồng EPC NMĐ Quảng Ninh 2.
- + Ngày 28/05/2007, tổ chức lễ khởi công Nhà máy chính NMĐ Quảng Ninh 2.
- + Ngày 12/05/2009, Tổ máy (TM) số 1 NMĐ Quảng Ninh chính thức được hòa đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành chạy tin cậy (RTR) vào tháng 3/2010 và được cấp chứng chỉ nghiệm thu tạm thời (PAC) có điều kiện vào tháng 07/2011.
- + Ngày 02/6/2010, TM2 NMĐ Quảng Ninh được hòa đồng bộ vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 10/2010 và được cấp PAC vào tháng 04/2011.
- + Ngày 01/7/2012, cả 02 TM NMĐ Quảng Ninh chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.

- + Ngày 13/12/2012, TM3 NMD Quảng Ninh 2 hòa đồng bộ lần đầu và chính thức phát điện vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 6/2013 và được cấp PAC từ ngày 01/01/2014.
 - + Ngày 09/9/2013, TM4 NMD Quảng Ninh 2 chính thức hoà đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 01/2014 và được cấp PAC từ ngày 16/03/2014.
 - + Ngày 01/6/2015, cả 02 TM NMD Quảng Ninh 2 chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.
 - + Ngày 13/01/2016, Công ty đã ký kết Hợp đồng mua bán điện số 01/2016/HĐ-NMD-QN, hợp nhất hai Hợp đồng mua bán điện NMD Quảng Ninh và NMD Quảng Ninh 2 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh điện.
 - Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
 - Cơ cấu bộ máy quản lý: Gồm có 05 Phòng, 05 Phân xưởng và 01 đội bảo vệ PCCC.

Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - + Đảm bảo vận hành các TM an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện thương phẩm hàng năm theo thiết kế đạt từ 6,501 tỷ kWh trở lên theo hợp đồng mua bán điện;
 - + Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) hàng năm ổn định, có hiệu quả và phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao với mức lợi nhuận đạt ở mức hợp lý.
 - + Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa, cải tạo nâng cấp máy móc thiết bị, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của Hệ thống điện quốc gia. Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đầy đủ.
 - + Đảm bảo và phát triển vốn của các Cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động của Công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác; tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các Cổ đông;
 - + Tiếp tục kiến nghị với các cấp có thẩm quyền về thanh toán khoản lỗ CLTG theo quy định của hợp đồng mua bán điện, phấn đấu tình hình tài chính của Công ty từng bước ổn định;
 - + Tiếp tục kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét về suất hao nhiệt tinh trong phương án giá điện tác động của các nguyên nhân khách quan.
 - + Tiếp tục thực hiện tốt công tác sửa chữa, củng cố và nâng cao độ sẵn sàng, hiệu suất của thiết bị.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
 - + Tiếp tục khai thác và kinh doanh tro xỉ để góp phần cải tạo môi trường, tận dụng nguồn thu và nâng cao hiệu quả, lợi nhuận trong SXKD của Công ty.
 - + Vận hành ổn định, liên tục hệ thống kết nối, khai báo số liệu quan trắc môi trường tự động và hệ thống quan trắc nước làm mát bình ngưng theo yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Ninh.
 - + Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, hướng tới sự phát triển bền vững và góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- + Tích cực tham gia vào các chương trình an sinh xã hội của địa phương.
- + Tận dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu cũng như nguồn nhân lực lao động địa phương để phát triển sản xuất.

5. Các rủi ro

- Rủi ro cạnh tranh phát điện trên thị trường điện, giữa các Nhà máy Nhiệt điện với Nhiệt điện và giữa các Nhà máy Nhiệt điện với Thủy điện.
- Rủi ro chênh lệch tỷ giá (CLTG) do hiện nay trong giá bán điện vẫn chưa được ghi nhận đầy đủ chi phí CLTG, dẫn đến Công ty vẫn phải trích bù CLTG.
- Ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến suất hao nhiệt tinh của Nhà máy.
- Rủi ro từ dịch bệnh Covid-19 và diễn biến thời tiết bất lợi.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất điện trong năm: Năm 2020, tình hình SXKD của Công ty gặp rất nhiều khó khăn: (i) kế hoạch sản lượng điện được giao ở mức cao, vượt cả sản lượng điện thực hiện năm 2019 ở mức kỷ lục của Nhà máy từ trước đến nay; (ii) gần như cả năm toàn ngành Điện, cũng như Công ty chịu tác động tiêu cực kéo dài từ đại dịch Covid-19, diễn biến thời tiết mưa lũ kéo dài, gây ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu phụ tải huy động của Hệ thống điện và giá điện Thị trường luôn ở mức thấp; tuy nhiên, kết thúc năm 2020, Công ty đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng, tình hình cụ thể như sau:
 - + Sản lượng điện sản xuất đạt 6,387 tỷ kWh;
 - + Sản lượng điện thương phẩm đạt 5,821 tỷ kWh;
 - + Đặc biệt, năm 2020 là năm đánh dấu mốc quan trọng trong hoạt động SXKD của Công ty khi đã đạt mốc sản lượng 50 tỷ kWh vào ngày 24/12/2020. Kết thúc năm 2020 Công ty đã đóng góp tổng sản lượng 50,05 tỷ kWh lên Hệ thống điện Quốc gia, đóng góp phần không nhỏ giúp ổn định an ninh năng lượng quốc gia cũng như vào sự nghiệp phát triển chung của Ngành điện, tỉnh Quảng Ninh và đất nước;
 - + Tỷ lệ dừng máy do sự cố: Trong năm 2020, toàn Nhà máy xảy ra 13 lần sự cố, đã giảm 08 sự cố so với năm 2019 và là năm xảy ra ít sự cố nhất trong giai đoạn 2016-2020;
 - + Công ty đã hoàn thành sửa chữa lớn các hạng mục chính của TM3 đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng;
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

1	Lợi nhuận theo kế hoạch (sau thuế TNDN)	350,57	Tỷ đồng
2	Lợi nhuận thực hiện (bao gồm CLTG, sau thuế TNDN)	765,38	Tỷ đồng
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2020	804,83	Tỷ đồng

Công ty có lợi nhuận SXKD (bao gồm CLTG, sau thuế TNDN) đạt 765,38 tỷ đồng, cao hơn 414,81 tỷ đồng so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

a) Ông Ngô Sinh Nghĩa

- * Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
- * Giới tính: Nam
- * Ngày tháng năm sinh: 02/12/1978
- * Nơi sinh: Quảng Ninh
- * Quốc tịch: Việt Nam
- * Dân tộc: Kinh
- * Quê quán: Kim Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh
- * Địa chỉ thường trú: 719/5, Tổ 70, khu 5, Lán Bè, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- * Điện thoại: 0912571155
- * Trình độ văn hóa: 12/12
- * Số CCCD: 022078000653 cấp ngày 05/12/2018
- * Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tự động
- * Quá trình công tác:
 - Từ 08/2002 - 12/2003: Công nhân Công ty cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
 - Từ 01/2004 - 02/2007: Công nhân Nhà máy điện Uông Bí, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Từ 03/2007 - 10/2009: Chuyên viên phòng Kỹ thuật an toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 11/2009 - 12/2010: Kỹ sư Phân xưởng Điện - Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 01/2011 - 14/9/2011: Trưởng ca vận hành nhà máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 15/9/2011 - 09/2013: Phó trưởng phòng Kỹ thuật An toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 10/2013 - 10/2014: Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng Điện-Tự động Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 11/2014 - 14/6/2016: Quản đốc Phân xưởng Điện-Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 15/6/2016 - 15/6/2020: Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 16/6/2020 đến nay: Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- * Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Đại diện sở hữu: 56.698.147 cổ phần của Tổng công ty Phát điện 1.
Sở hữu cá nhân: Không
- * Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- * Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- * Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương và phụ cấp
- * Số cổ phần những người có liên quan : Không
- b) Ông Nguyễn Việt Dũng**
- * Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- * Giới tính: Nam

- * Ngày tháng năm sinh: 04/01/1968
- * Nơi sinh: Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- * Quốc tịch: Việt Nam
- * Dân tộc: Kinh
- * Quê quán: Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- * Địa chỉ thường trú: Khu 5, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- * Điện thoại: 0944042068
- * Trình độ văn hóa: 12/12
- * Số CMTND: 125609166 cấp ngày 02/11/2010
- * Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
 - Kỹ sư công nghệ chế tạo máy
 - Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế
- * Quá trình công tác:

Từ 01/01/2008 - 31/08/2009	Phân xưởng Lò - Máy, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
Từ 15/07/2009 - 01/09/2009	Tổ trưởng, Phân xưởng Lò-Máy, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
Từ 01/09/2010 - 31/07/2012	Phó phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
Từ 01/08/2012 - 31/01/2013	Trưởng Phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí
Từ 01/02/2013 - 15/04/2016	Phó Trưởng Ban Tổng công ty, Ban Kỹ thuật-Sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1
Từ 16/04/2016 - 16/09/2019	Phó Giám đốc, Ban Giám đốc, Tổng công ty Phát điện 1
Từ 16/09/2019 - 01/03/2020	Phó Trưởng Ban Tổng công ty, Ban Kỹ thuật sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1
Từ 01/03/2020 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

- * Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Đại diện sở hữu: 47.248.456 cổ phần của Tổng công ty Phát điện 1.
Sở hữu cá nhân: Không
- * Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- * Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- * Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương và phụ cấp
- * Số cổ phần những người có liên quan: Không
- * Số cổ phần những người có liên quan: Không

c) Ông Lê Việt Cường

- * Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- * Giới tính: Nam
- * Ngày tháng năm sinh: 01/11/1979
- * Nơi sinh: Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
- * Quốc tịch: Việt Nam
- * Dân tộc: Kinh
- * Quê quán: Thát Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- * Địa chỉ thường trú: SN 07, Ngõ 45, Trung Nhị, Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
- * Điện thoại: 0913370971
- * Trình độ văn hóa: 12/12
- * Số CMTND: 100697912 cấp ngày 22/8/2011 tại Quảng Ninh
- * Trình độ chuyên môn:
- Kỹ sư Công nghệ nhiệt
- Cử nhân quản trị kinh doanh

- * Quá trình công tác:
- Từ 02/2004 - 11/2014 Công tác tại Công ty Nhiệt điện Uông Bí.
- Từ 12/2014 - 19/3/2015: Kỹ thuật viên Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
- Từ 20/03/2015 - 06/09/2015: Phó Quản đốc Phân xưởng, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 07/09/2015 - 06/09/2019: Quản đốc Phân xưởng, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- Từ 01/03/2017 - 15/11/2017: Phó trưởng phòng phụ trách, Phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
- Từ 16/11/2017 – 24/3/2019: Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
- Từ ngày 25/3/2019 đến nay: Phó Tổng giám đốc, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
- * Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Không
- * Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- * Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- * Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương và phụ cấp
- * Số cổ phần những người có liên quan: Không
- * Số cổ phần những người có liên quan: Không
- d) Ông Trần Vũ Linh**
- * Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
- * Giới tính: Nam
- * Ngày tháng năm sinh: 02/10/1985
- * Nơi sinh: Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng

- Ninh
- * Quốc tịch: Việt Nam
 - * Dân tộc: Kinh
 - * Quê quán: Phù Long, Mỹ Lộc, Nam Định
 - * Địa chỉ thường trú: Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh
 - * Điện thoại: 094 6751188
 - * Trình độ văn hóa: 12/12
 - * Số CMTND: 100842901 cấp ngày 09/12/2009 tại Quảng Ninh
 - * Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sĩ Quản lý kinh tế
 - Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
 - * Quá trình công tác:
 - Từ 12/2007 - 19/3/2015: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
 - Từ 20/3/2015 - 24/4/2016: Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
 - Từ 25/4/2016 - 02/2017: Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
 - Từ 01/3/2017 - 15/11/2017: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
 - Từ 16/11/2017 đến nay: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
 - * Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Không
 - * Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - * Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - * Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương và phụ cấp
 - * Số cổ phần những người có liên quan : Không

- Những thay đổi trong Ban điều hành:
 - + Ông Ngô Sinh Nghĩa giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh từ ngày 16/6/2020 theo Quyết định số 1068/QĐ-NĐQN ngày 16/6/2020.
 - + Ông Nguyễn Việt Dũng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh từ ngày 01/3/2020 theo Quyết định số 440/QĐ-NĐQN ngày 28/2/2020.
 - Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 866 người. Trong năm 2020, Công ty duy trì sự ổn định về việc làm và thu nhập cho người lao động Công ty. Công ty tiếp tục thực hiện bố trí sắp xếp, phân công lao động một số bộ phận, đơn vị, áp dụng Hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, đào tạo kiến thức, kỹ năng lao động cho người lao động nhằm nâng cao năng suất lao động trong Công ty.
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.
4. Tình hình tài chính
- a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	10.965.520	9.938.945	-9,36%
Doanh thu thuần (mã số 10)	10.126.640	8.613.736	-14,94%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (mã số 30)	665.004	813.121	22,27%
Lợi nhuận khác (mã số 40)	-5.054	-6.925	37,02%
Lợi nhuận trước thuế (mã số 50)	659.950	806.196	22,16%
Lợi nhuận sau thuế (mã số 60)	650.987	765.377	17,57%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2019	2020
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn):	1,41	1,87
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn):	1,22	1,61
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,55	0,44

Các chỉ tiêu	2019	2020
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,24	0,79
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	23,75	15,26
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (lần)		
+ Vòng quay tài sản	0,92	0,87
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân (lần)		
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	6,43	8,89
+ hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	13,30	13,79
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	5,94	7,70
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	6,57	9,44

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

a) Cổ phần: 450.000.000 cổ phần chuyên nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt cổ đông tại ngày 19/11/2020

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I.	Cổ đông trong nước	714	449.997.200	99,99938
1.	Tổ chức	11	438.787.619	97,50836
2.	Cá nhân	703	11.209.581	2,49102
II.	Cổ đông nước ngoài	1	2.800	0,00062
1.	Tổ chức	1	2.800	0,00062
2.	Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng:	715	450.000.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2020, Công ty không thay đổi vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm:

- Tổng lượng than đốt là 3.184.556 tấn;
- Tổng lượng dầu đốt kèm và khởi động là 7.893 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng nhiệt tỏa ra thông qua quá trình đốt than, dầu trong lò hơi;

- Năng lượng điện để phục vụ công tác bảo dưỡng, sửa chữa và phát điện là 9,26% (tương đương 591.705.062 kWh).

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Đã lập và từng bước thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy, khả dụng, giảm suất tiêu hao than và trả công suất TM về định mức;
- Triển khai chương trình tiết kiệm điện tự dùng trong nhà máy và thực hiện kế hoạch kiểm toán năng lượng theo quy định của Bộ Công thương.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Từng bước chuyển đổi các thiết bị tiêu thụ điện truyền thống sang tiết kiệm năng lượng;
- Thực hiện các giải pháp tăng lưu lượng, giảm nhiệt độ nước tuần hoàn (nâng cao khả năng mang tải của nhà máy);
- Đã lập và từng bước thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy, khả dụng, giảm suất tiêu hao than và trả công suất TM về định mức;
- Triển khai thuê tư vấn khảo sát, đánh giá trọng yếu 4 TM nhằm đưa ra các giải pháp và trả lại công suất thiết kế của TM, giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu, giảm tỉ lệ điện tự dùng.
- Kết quả:
 - + Tỷ lệ điện tự dùng năm 2020 đã giảm 0,47% so với năm 2019, từ 9,45% xuống 9,26%;
 - + Suất tiêu hao dầu FO năm 2020 đã giảm 0,27g/kWh so với năm 2019, từ 1,62g/kWh xuống 1,35g/kWh;
 - + Suất hao nhiệt năm 2020 đã giảm 117,97kJ/kWh so với năm 2019, suất tiêu hao than đã giảm hơn so với các năm 2018 và năm 2019.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nước ngọt: Công ty ký Hợp đồng mua nước với Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh từ nguồn nước ngọt Hồ Cao Vân, lượng nước ngọt sử dụng trong năm là 1.761.045 m³;
- Nước tuần hoàn: lượng nước sử dụng trong năm là 1.086.067.332 m³ được lấy từ sông Diễn Vọng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Nước sau xử lý của hệ thống nước thải công nghiệp được đưa vào sử dụng tại hệ thống thải xỉ, tổng lượng nước tái chế là 346.221 m³, chiếm 19,66%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2020 là 866 người;
- Mức lương bình quân toàn Công ty năm 2020 là 18,28 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn: Công ty tổ chức các khu vực làm việc khang trang, thoáng mát. Công nhân vận hành trực tiếp được Công ty bố trí làm việc tại các bốt trực đảm bảo ánh sáng và thoáng khí. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định của Nhà nước như: Quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, khẩu trang, ủng,... Công ty tổ chức bộ phận chuyên trách về công tác an toàn lao động và xây dựng hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh viên nhằm đảm bảo cao nhất an toàn lao động trong Công ty.
- Chế độ bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp được Công ty thực hiện đúng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.
- Chế độ chăm sóc sức khỏe: Công ty thực hiện đầy đủ chế độ khám sức khỏe định kỳ; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; đo, kiểm tra môi trường lao động; tổ chức cấp phát hiện vật bồi dưỡng cho lao động làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm; tổ chức cho người lao động đi nghỉ dưỡng sức, phục hồi chức năng để tái tạo sức lao động theo quy định. Bộ phận y tế của Công ty luôn thường trực 24/24h để cấp thuốc, sơ cứu những rủi ro về sức khỏe người lao động.
- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công ty chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý lao động, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực. Tập trung công tác đào tạo theo chiều sâu để nâng cao chất lượng lao động. Nâng cao chất lượng đào tạo từ các khâu nội dung chương trình, chất lượng giảng viên và chú trọng khâu kiểm tra, sát

hạch sau quá trình đào tạo; người lao động thông thạo nhiều kỹ năng công việc, có khả năng đảm nhiệm nhiều vị trí.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2020, Công đoàn Công ty phối hợp cùng chuyên môn Công ty đã thực hiện:

- Chuyển số tiền quyên góp ủng hộ của CBCNV Công ty về quỹ tương trợ xã hội Tổng Công ty Phát điện 1 với số tiền 157,189 triệu đồng;
- Đã chuyển số tiền quyên góp ủng hộ miền Trung với số tiền 331,278 triệu đồng về 4 địa chỉ: Công đoàn Tổng công ty Phát điện 1; Mặt trận tổ quốc tỉnh Quảng Ninh; Mặt trận tổ quốc tỉnh Quảng Trị và 63 hộ dân tại xã Minh Tiến, Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;
- Thực hiện công tác từ thiện, ủng hộ kinh phí tại đại phương với số tiền 206,787 triệu đồng;
- Thực hiện “Tuần lễ hồng” lần thứ 5 do EVN tổ chức phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Chưa có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng chỉ tiêu chính thực hiện năm 2020

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2020	TH năm 2020	So sánh (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tỷ kWh	7.872,98	6.386,57	81,1
2	Sản lượng điện bán cho EVN	Tỷ kWh	7.123,95	5.821,25	81,7
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	9.813,04	8.664,10	88,3
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	9.444,02	7.857,90	83,2
7	Tổng lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	369,02	806,20	218,5
8	Tổng lợi nhuận (sau thuế)	Tỷ đồng	350,57	765,38	218,3
9	Cổ tức	Tỷ đồng			

Năm 2020, dưới tác động tiêu cực, kéo dài từ đại dịch Covid-19 và diễn biến thời tiết bất thường; tuy nhiên Công ty đã cơ bản đạt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật so với mục tiêu Kế hoạch đề ra; trừ suất hao nhiệt mặc dù vẫn cao hơn phương án giá điện song đã giảm hơn so với năm 2019. Để có được kết quả khả quan này, trong năm qua Công ty đã thực hiện các biện pháp như sau:

- Kiện toàn bộ máy nhân sự quản lý cấp cao;
- Đề ra các chương trình, mục tiêu hoạt động ngay từ đầu năm;
- Thực hiện các giải pháp và hoàn thành sửa chữa lớn TM số 3 đúng tiến độ kế hoạch, đáp ứng yêu cầu chất lượng; Chú trọng, tăng cường công tác quản lý, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị; Tiếp tục thực hiện đề án nâng

cao độ tin cậy, khả dụng, giảm suất tiêu hao than và trả công suất TM về định mức;

- Thực hiện phương án giãn thời gian trích khấu hao tài sản cố định theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Nâng cao năng lực và hiệu quả, hiệu lực công tác điều hành; thực hiện đồng bộ các giải pháp kỹ thuật tối ưu; quyết liệt, sâu sát và kỷ luật nghiêm minh trong công việc điều hành;
- Thực hiện sắp xếp, điều chỉnh, luân chuyển cán bộ công nhân viên hợp lý, hiệu quả, phù hợp với tình hình SXKD gọn nhẹ và năng động hơn;
- Chủ động nắm bắt những cơ hội thuận lợi và điều hành linh hoạt trong công tác Thị trường điện phát điện cạnh tranh để mang lại kết quả tích cực và hiệu quả kinh tế;
- Thực hiện đề án tối ưu hóa chi phí trong mua sắm và sản xuất; nâng cao năng suất lao động;
- Công tác tự kiểm tra và kiểm soát nội bộ được tăng cường trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa;
- Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị Công ty;

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	2019	2020	% biến động
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.274.204	3.700.463	13,0
Tiền và tương đương tiền	621.106	836.398	34,7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.500	501.500	33.333,3
Phải thu khách hàng	2.172.872	1.658.035	-23,7
Trả trước cho người bán		667	
Các khoản phải thu khác	30.590	177.496	480,2
Hàng tồn kho	447.680	515.542	15,2
Tài sản lưu động khác	455	10.825	2.279,1
TÀI SẢN DÀI HẠN	7.691.316	6.238.482	-18,9
Phải thu dài hạn			
Tài sản cố định	7.612.262	6.160.755	-19,1
Đầu tư tài chính dài hạn			
XDCB dở dang	4.059	5.782	42,4
Tài sản dài hạn khác	74.994	71.945	-4,1
TỔNG TÀI SẢN	10.965.520	9.938.945	-9,4

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2020 là: 9.938.945 triệu đồng, giảm 9,4% so với thời điểm 31/12/2019, tổng tài sản giảm chủ yếu theo khấu hao và trong năm 2020 Công ty đã thực hiện phương án điều chỉnh (tăng) thời

gian trích khấu hao tài sản cố định theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là 3.700.463 triệu đồng, tăng 13% so với thời điểm ngày 31/12/2019, chủ yếu do khoản mục tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khác, hàng tồn kho và tài sản lưu động khác lần lượt tăng 34,7%, 33.333,3%, 480,2%, 15,2%, 2.279,1%; khoản mục phải thu khách hàng giảm 23,7% so với thời điểm 31/12/2019.

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	2019	2020	% biến động
NỢ PHẢI TRẢ	6.070.356	4.390.530	-27,7
Nợ ngắn hạn	2.318.962	1.976.976	-14,7
Phải trả người bán	334.392	487.507	45,8
Người mua trả tiền trước	0	0	0,00
Vay và nợ ngắn hạn	1.829.562	1.336.050	-27,0
Thuế phải nộp	30.819	12.177	-60,5
Phải trả người lao động	50.163	82.349	64,2
Chi phí phải trả	71.899	39.567	-45,0
Các khoản phải trả khác	944	1.818	92,6
Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	0,00
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.183	17.508	1.380,0
Nợ dài hạn	3.751.393	2.413.554	-35,7
Vay và nợ dài hạn	3.751.393	2.413.554	-35,7

Tổng nợ phải trả tại 31/12/2020 của Công ty giảm 27,7% tương đương 1.679.826 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2019, trong đó khoản mục nợ dài hạn giảm 35,7% và khoản mục nợ ngắn hạn giảm 14,7%. Nguyên nhân chủ yếu do năm 2020 Công ty thực hiện tốt công tác cân đối dòng tiền trả nợ gốc vay và thanh toán các khoản công nợ phải trả.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã kiện toàn bộ máy nhân sự quản lý cấp cao; Sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý hơn phù hợp với yêu cầu SXKD, gọn nhẹ và năng động hơn.

Công ty tiếp tục cập nhật các thông tin bổ sung, xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, lưu đồ giải quyết công việc cho phù hợp với chính sách pháp luật của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu SXKD của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy, khả dụng, giảm suất tiêu hao than và trả công suất TM về định mức; từng bước thay thế các thiết bị có chất lượng tốt hơn, ổn định hơn;

Hoàn thành công tác tư vấn, khảo sát đánh giá các hệ thống trọng yếu 04 TM để có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng chi tiết trong năm 2021 và các năm tiếp theo; hướng tới các TM vận hành ổn định, liên tục, đạt hiệu quả kinh tế cao;

Hoàn thành công tác sửa chữa lớn TM theo đúng kế hoạch, tiến độ, đảm bảo chất lượng đề ra;

Rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ, luân chuyển các vị trí chức danh, tiếp tục chú trọng công tác đào tạo cán bộ, hướng tới nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động để Công ty ổn định phát triển một cách bền vững;

Tiếp tục bám sát kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét cho phép điều chỉnh suất hao nhiệt trong phương án giá điện do ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan.

Kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận điều chỉnh suất hao nhiệt trong Hợp đồng mua bán điện do ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan.

Nghiên cứu, áp dụng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong quản lý điều hành và sản xuất.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
 - a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:
 - Trong năm, Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường các chỉ tiêu môi trường của Nhà máy như khí thải, nước thải ... nằm trong giới hạn cho phép.
 - Các thông số môi trường của Nhà máy được cơ quan quản lý nhà nước (Sở TNMT) quan trắc, giám sát tự động.
 - b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
 - Người lao động được đảm bảo mức thu nhập, chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, điều kiện làm việc theo quy định của Pháp luật;
 - Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn cơ sở, Công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ người lao động cả về vật chất, tinh thần; cơ chế thưởng, phạt công khai, minh bạch đã góp phần giúp người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động.
 - c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty với cộng đồng địa phương:
 - Trong năm 2020, Công ty cùng các cấp, ngành, cơ quan đoàn thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện nghĩa vụ với cộng đồng địa phương và các hoạt động đầu tư, phát triển cộng đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

- Về sản xuất kinh doanh:
 - + Sản lượng điện sản xuất đạt 6,387 tỷ kWh, bằng 81,1% so với kế hoạch năm và bằng 84,2% so với thực hiện năm 2019;
 - + Sản lượng điện thương phẩm đạt 5,821 tỷ kWh, bằng 81,7% so với kế hoạch năm và bằng 84,5% so với thực hiện năm 2019;
 - + Tỷ lệ dừng máy do sự cố: Trong năm 2020, toàn Nhà máy xảy ra 13 lần sự cố, đã giảm 08 sự cố so với năm 2019 và là năm xảy ra ít sự cố nhất trong giai đoạn 2016-2020;
 - + Công ty đã hoàn thành sửa chữa lớn các hạng mục chính của TM số 3 đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng;
- Về công tác Thị trường điện: Công ty đã hoàn thành tốt công tác vận hành thị trường điện và mang lại hiệu quả kinh tế cao trong năm 2020. Trong công tác thanh toán tiền bán điện, Công ty đã lập hồ sơ thanh toán đảm bảo đúng tiến độ và tính chính xác của số liệu thanh toán với Công ty mua bán điện.
- Về công tác tài chính: Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo hoạt động này luôn luôn minh bạch và tuân thủ pháp luật. Công ty đã cân đối, tối ưu dòng tiền để thanh toán các chi phí phát sinh cho hoạt động SXKD; trong năm không phát sinh vay lưu động.
- Về việc quyết toán các dự án hoàn thành:
 - + NMD Quảng Ninh 1: Hội đồng thành viên EVN đã có Nghị quyết 684/NQ-HĐTV ngày 21/12/2020 thông qua quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án.
 - + NMD Quảng Ninh 2: Công ty tiếp tục củng cố, hoàn thiện hồ sơ liên quan để phục vụ giải trình, làm rõ các ý kiến thẩm tra của EVN.
- Trong năm, Công ty tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định quản trị nội bộ, tạo hành lang pháp lý, định hướng các hoạt động của Công ty theo hướng khoa học, hợp lý bám sát các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

- Theo định hướng của HĐQT, Ban điều hành Công ty đứng đầu là Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp trong sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản thấp hơn kế hoạch/phương án giá điện. Các TM đã vận hành ổn định, tin cậy hơn và chủ động linh hoạt tham gia thị trường phát điện. Kết thúc năm 2020, các chỉ tiêu SXKD đạt so với mục tiêu kế hoạch năm; suất tiêu hao than, suất hao nhiệt đã giảm hơn so với năm 2019;

- Trong vấn đề quản lý và điều hành SXKD, Ban Điều hành Công ty đã thực thi kỷ luật nghiêm khắc và quyết liệt, đồng bộ hơn rất nhiều. Các chế độ thưởng phạt đã gắn liền với quyền lợi và trách nhiệm của người lao động và nâng cao hiệu quả, năng suất lao động.

3. Các kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị

- Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành Quyết định số 304/QĐ-NĐQN ngày 22/01/2020 phê duyệt chương trình làm việc năm 2020 của HĐQT Công ty cũng như kết luận, giao nhiệm vụ tại Thông báo số 1466/TB-NĐQN ngày 02/9/2020. Chương trình 304 và Thông báo số 1466 thể hiện trọng tâm các nội dung công việc mà HĐQT, Ban Tổng giám đốc, tập thể CBCNV cần thực hiện để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.
- HĐQT tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Điều hành theo Nghị quyết HĐQT, các kiến nghị của Ban kiểm soát và các Đoàn thanh, kiểm tra. Định kỳ hàng tháng Chủ tịch HĐQT làm việc trực tiếp với Ban Điều hành để kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT, đánh giá, đôn đốc và chỉ đạo kịp thời để giải quyết các vướng mắc tồn tại trong quá trình thực hiện.
- Trong năm 2020, tiếp tục ban hành bổ sung và triển khai các quy chế, quy định quản lý nội bộ đến từng bộ phận, người lao động; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh quy chế dân chủ cơ sở, phát huy tinh thần đoàn kết, nhất trí của người lao động trong Công ty; Xây dựng văn hoá Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- Tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của Ban điều hành và bộ máy lãnh đạo của các đơn vị thông qua việc thực hiện các giải pháp về tổ chức, nhân sự và nghiêm túc tuân thủ các quy chế quản lý nội bộ.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- | | |
|-------------------------------|--|
| 1. Ông Nguyễn Tuấn Anh | + Chủ tịch HĐQT
+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 18,9% (ngày chốt danh sách sở hữu 19/11/2020) |
| 2. Ông Ngô Sinh Nghĩa | + Thành viên HĐQT
+ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP)
+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu |

quyết: 12,6% (ngày chốt danh sách sở hữu 19/11/2020)

3. Ông Nguyễn Việt Dũng

+ Thành viên HĐQT

+ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP)

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,5% (ngày chốt danh sách sở hữu 19/11/2020)

4. Ông Nguyễn Quang Huy

+ Thành viên HĐQT

+ Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 16,4% (ngày chốt danh sách sở hữu 19/11/2020)

5. Ông Quách Vĩnh Bình

+ Thành viên HĐQT

+ Trưởng ban kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE)

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 8,1% (ngày chốt danh sách sở hữu 19/11/2020)

6. Ông Đặng Huy Vũ

+ Thành viên HĐQT

+ Phó giám đốc Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,6%

7. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

+ Thành viên HĐQT

+ Phó trưởng Ban đầu tư 2 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 11,4% (ngày chốt danh sách sở hữu 19/11/2020)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2020, HĐQT QTP đã tổ chức 11 phiên họp với nội dung và kết quả của các cuộc họp như sau:
 - + Phiên 1: ngày 09/01/2020 về hoạt động năm 2019 và kế hoạch làm việc năm 2020 của HĐQT và các nội dung phục vụ hoạt động SXKD năm 2020 của QTP. HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-NĐQN ngày 17/01/2020.
 - + Phiên 2: ngày 20/02/2020 về các nội dung phục vụ hoạt động của QTP. HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-NĐQN ngày 26/02/2020.
 - + Phiên 3: ngày 25/3/2020 về các nội dung phục vụ hoạt động của QTP. HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-NĐQN ngày 30/3/2020.
 - Phiên 4: ngày 14/5/2020 về các nội dung phục vụ hoạt động của QTP. HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 31/NQ-NĐQN ngày 29/5/2020.
 - + Phiên 5: ngày 03/6/2020 về các nội dung phục vụ hoạt động của QTP. HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 32/NQ-NĐQN ngày 17/6/2020.
 - + Phiên 6: ngày 10/6/2020 về các nội dung phục vụ hoạt động của QTP. HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 34/NQ-NĐQN ngày 17/01/2020.
 - + Phiên 7: ngày 23/6/2020 về bầu Chủ tịch HĐQT QTP. HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 38/NQ-NĐQN ngày 23/6/2020.
 - + Phiên 8: ngày 08/7/2020 về các nội dung phục vụ hoạt động của QTP. HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 42/NQ-NĐQN ngày 10/7/2020.
 - + Phiên 9: ngày 18/7/2020 về tình hình SXKD 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, kế hoạch 6 tháng cuối năm 2020 và các nội dung phục vụ hoạt động của QTP. HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 49/NQ-NĐQN ngày 31/7/2020.
 - + Phiên 10: ngày 14/10/2020 về tình hình SXKD 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ, kế hoạch 3 tháng cuối năm 2020 và các nội dung phục vụ hoạt động của QTP. HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 58/NQ-NĐQN ngày 30/10/2020.
 - + Phiên 11: ngày 03/12/2020 về kết quả SXKD và tình hình hoạt động 11 tháng, ước thực hiện cả năm 2020 và các nội dung phục vụ hoạt động của QTP. HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 64/NQ-NĐQN ngày 28/12/2020.

Các cuộc họp của HĐQT QTP đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

1. **Ông Nguyễn Đăng Dung** + Trưởng ban đến 01/9/2020;
+ Thành viên, thực hiện chức trách nhiệm vụ của T.BKS từ 01/9/2020 đến nay;
+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
2. **Ông Ngô Văn Điện** + Thành viên BKS
+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
3. **Bà Vũ Thị Hoàng Yến** + Thành viên BKS
+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
4. **Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp** + Thành viên BKS
+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
5. **Bà Hồ Nguyễn Phương Trâm** + Thành viên BKS
+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát QTP đã tổ chức họp 02 kỳ với nội dung và kết quả của các cuộc họp như sau:
 - + Kỳ 1: từ ngày 01/6/2020 đến ngày 05/6/2020 về rà soát việc xây dựng các kế hoạch năm 2020, thẩm tra báo cáo tài chính Quý I/2020 và các nội dung hoạt động của QTP. Ban kiểm soát đã có Biên bản kiểm soát đối với đợt làm việc kỳ 1.
 - + Kỳ 2: từ ngày 23/11/2010 đến ngày 27/11/2020 về thẩm tra báo cáo tài chính Quý II/2020, III/2020 và các nội dung hoạt động của QTP. Ban kiểm soát đã có Biên bản kiểm soát đối với đợt làm việc kỳ 2.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát
 - a) Lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2020:

1. Ông Trần Việt Anh

54.467.000 VND

2.	Ông Nguyễn Tuấn Anh	347.451.984	VND
3.	Ông Ngô Sinh Nghĩa	607.652.845	VND
4.	Ông Nguyễn Việt Dũng	472.627.165	VND
5.	Ông Lê Việt Cường	567.152.597	VND
6.	Ông Nguyễn Quang Huy	100.800.000	VND
7.	Ông Quách Vĩnh Bình	100.800.000	VND
8.	Ông Đặng Huy Vũ	100.800.000	VND
9.	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	100.800.000	VND
10.	Ông Trần Vũ Linh	519.249.734	VND
11.	Ông Nguyễn Đăng Dung	425.837.464	VND
12.	Ông Ngô Văn Điện	91.200.000	VND
13.	Bà Vũ Thị Hoàng Yến	91.200.000	VND
14.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	91.200.000	VND
15.	Bà Hồ Nguyễn Phương Trâm	91.200.000	VND

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Phụ lục chi tiết đính kèm.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Hợp đồng ủy quyền số 66/2020/HĐ-EVNGENCO1 ngày 12/8/2020 giữa Hội đồng thành viên Tổng công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1) và Ông Nguyễn Tuấn Anh – Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của EVNGENCO1 tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh về việc quản lý phần vốn của EVNGENCO1 tại công ty con, công ty liên kết;
- Hợp đồng ủy quyền số 465/2018/HĐ-EVNGENCO1 ngày 30/1/2020 giữa Hội đồng thành viên Tổng công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1) và Ông Ngô Sinh Nghĩa – Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của EVNGENCO1 tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh về việc quản lý phần vốn của EVNGENCO1 tại công ty con, công ty liên kết;
- Hợp đồng ủy quyền số 21/2020/HĐ-EVNGENCO1 ngày 03/3/2020 giữa Hội đồng thành viên Tổng công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1) và Ông Nguyễn Việt Dũng – Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của EVNGENCO1 tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh về việc quản lý phần vốn của EVNGENCO1 tại công ty con, công ty liên kết;

- Giao dịch với cổ đông nội bộ có liên quan năm 2020:
 - + Giao dịch với Tập đoàn Điện lực Việt Nam:
 - ✓ Mua điện: 37,657 tỷ đồng;
 - ✓ Chi phí lãi vay: 236,109 tỷ đồng.
 - ✓ Giao dịch với Tổng công ty Phát điện 1: Chi trả chia cổ tức: 37,798 tỷ đồng.
 - ✓ Giao dịch với Công ty Mua bán điện: Doanh thu bán điện: 8.608,113 tỷ đồng.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty (*chi tiết kèm theo*) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 được lập đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán và kiểm toán (bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động SXKD; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- <http://www.quangninhtpc.com.vn>;
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Sinh Nghĩa

Phụ lục
GIAO DỊCH CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ

Mã CP	Tổ chức /người giao dịch	Chức vụ	Người liên quan		SLCP trước GD	Đăng ký				Kết quả			SLCP sau GD	Tỷ lệ %	Ghi chú
			Tên	Chức vụ		Mua	Bán	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Mua	Bán	Ngày thực hiện			
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				29.585.353		12.000.000	25/02/2021	24/03/2021						
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				34.585.353		5.000.000	21/01/2021	18/02/2021		5.000.000	17/02/2021	29.585.353	6,58	
QTP	Nguyễn Đăng Dung	TV BKS			50.000		50.000	18/01/2021	26/01/2021		50.000	22/01/2021	0	0,00	
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				36.585.353		5.000.000	18/12/2020	14/01/2021		2.000.000	14/01/2021	34.585.353	7,69	
QTP	Trần Thị Kim Tuyền	Vợ	Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	0	50.000		01/12/2020	30/12/2020	50.000		08/12/2020	50.000	0,01	
QTP	Trần Thị Kim Tuyền	Vợ	Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	0	50.000		01/12/2020	30/12/2020					0,00	
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				39.585.353		3.000.000	28/07/2020	24/08/2020		3.000.000	24/08/2020	36.585.353	8,13	
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				40.585.353		1.000.000	22/05/2020	22/06/2020		1.000.000	22/06/2020	39.585.353	8,80	
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				40.585.353		1.000.000	22/04/2020	18/05/2020			18/05/2020	40.585.353	9,02	
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				41.475.353		890.000	13/04/2020	08/05/2020		890.000	15/04/2020	40.585.353	9,02	
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				41.585.353		1.000.000	05/03/2020	02/04/2020		110.000	31/03/2020	41.475.353	9,22	
QTP	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh				42.085.353	500.000		18/02/2020	17/03/2020	500.000		27/02/2020	4.585.353	9,24	